

Số: /BC-SGDĐT

Hòa Bình, ngày tháng 12 năm 2021

## BÁO CÁO

### Về quản lý thông tin BDTX cho GV và CBQL CSGDPT (Báo cáo TEMIS) của Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình năm học 2020 - 2021

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT;
- Ban Quản lý Chương trình ETEP, Bộ GDĐT;
- Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Căn cứ Công văn số 5016/BGDĐT-GDTrH ngày 20/11/2020 của Bộ GDĐT về việc đẩy mạnh triển khai bồi dưỡng và xây dựng báo cáo quản lý thông tin về BDTX cho đội ngũ GV&CBQLCSGDPT theo hình thức trực tuyến;

Căn cứ Công văn số 3556/ BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/8/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đánh giá G&CBQLCSGD mầm non, phổ thông theo chuẩn năm học học 2020 - 2021;

Thực hiện Công văn số 505/CV-ETEP ngày 27/8/2021 của Ban Quản lý Chương trình ETEP, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai xây dựng và công bố Báo cáo TEMIS. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình kính gửi Báo cáo TEMIS với nội dung như sau:

#### **PHẦN A: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG THEO CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

##### **A.1. Kết quả đánh giá và xếp loại giáo viên phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp**

**A.1.1.** Kết quả GVPT hoàn thành đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số GVPT theo cấp học

- Tình hình chung: Tổng số giáo viên trên Hệ thống TEMIS 8726 người (giảm 12.52% so với năm 2020), trong đó: nữ: 6469 người, dân tộc thiểu số: 3740 người; nữ dân tộc thiểu số: 2658 người; vùng khó khăn: 4286 người; Số giáo viên đã hoàn thành đánh giá 8172 người (đạt tỷ lệ 93.7%, trong đó nữ: 6152 người, dân tộc thiểu số: 3527 người; nữ dân tộc thiểu số: 2514 người; vùng khó khăn: 4051 người).

- Cấp THPT là cấp học có tỷ lệ giáo viên hoàn thành đánh giá cao nhất là: đạt tỷ lệ 98.5% (1533 người), cấp THCS là cấp học có tỷ lệ giáo viên hoàn thành đánh giá thấp nhất là đạt tỷ lệ 90.3% (2988 người).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.1.1)*

**A.1.2. Kết quả đánh giá, xếp loại chung của GVPT theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT**

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức TỐT: 3854 người, đạt tỷ lệ 47.16% (tăng 7.23% so với năm 2020), trong đó: nữ: 2952 người, dân tộc thiểu số: 1465 người, nữ dân tộc thiểu số: 1089 người, vùng khó khăn: 1851 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức KHÁ: 4012 người, đạt tỷ lệ 49.09% (giảm 17.52% so với năm 2020), trong đó: nữ: 2968 người, dân tộc thiểu số: 1916 người, nữ dân tộc thiểu số: 1327 người, vùng khó khăn: 2046 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức ĐẠT: 206 người, chiếm tỷ lệ 2.52% (giảm 42.62% so với năm 2020), trong đó: nữ: 146 người, dân tộc thiểu số: 96 người, nữ dân tộc thiểu số: 60 người, vùng khó khăn: 91 người.

- Tổng số giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT: 100 người, chiếm tỷ lệ 1.22% (tăng 354.55% so với năm 2020), trong đó: nữ: 86 người, dân tộc thiểu số: 50 người, nữ dân tộc thiểu số: 38 người, vùng khó khăn: 63 người.

- Cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT cao nhất (62.17%), cấp Tiểu học có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (37.99%).

- Giáo viên cấp Tiểu học có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT cao nhất trong giáo viên các cấp (chiếm 2.03%), cấp THPT có tỷ lệ giáo viên đánh giá ở mức CHƯA ĐẠT thấp nhất (0.07%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.1.2)*

**A.2. Kết quả đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông theo chuẩn hiệu trưởng**

**A.2.1. Kết quả CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn so với tổng số CBQL theo cấp học**

- Tổng số CBQL có trên Hệ thống TEMIS: 838 người (giảm 2.33% so với năm 2020), trong đó: Hiệu trưởng: 289 người (nữ: 106 người, dân tộc thiểu số: 75 người, nữ dân tộc thiểu số: 29 người, vùng khó khăn: 159 người); Phó Hiệu trưởng: 549 người (nữ: 292 người, dân tộc thiểu số: 193 người, nữ dân tộc thiểu số: 85 người, vùng khó khăn 297 người).

- Tổng số CBQL đã tham gia đánh giá: 766 người, đạt tỷ lệ 91.4% (tăng 0.92% so với năm 2020), trong đó: Hiệu trưởng: 261 người (nữ: 98 người, dân tộc thiểu số 68 người, nữ dân tộc thiểu số: 27 người, vùng khó khăn: 145 người); Phó Hiệu trưởng 505 người (nữ: 273 người, dân tộc thiểu số: 173 người, nữ dân tộc thiểu số: 79 người, vùng khó khăn: 275 người). Cấp THCS có tỷ lệ cao nhất, đạt 94.1% CBQL hoàn thành tự đánh giá và xếp loại theo chuẩn.

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.2.1)

**A.2.2.** Kết quả đánh giá, xếp loại chung CBQL theo cấp học ở các mức TỐT, KHÁ, ĐẠT, CHƯA ĐẠT

- Tổng số CBQL đánh giá ở mức TỐT: 451 người, đạt tỷ lệ 58.88% (tăng 2.97% so với năm 2020); mức KHÁ: 300 người, đạt tỷ lệ 39.16% (giảm 2.60% so với năm 2020); mức ĐẠT: 15 người, đạt tỷ lệ 1.96% (tăng 36.36% so với năm 2020), không có CBQL bị đánh giá chưa đạt (giảm 100% so với năm 2020), trong đó:

+ Tổng số Hiệu trưởng đánh giá ở mức TỐT: 161 người, đạt tỷ lệ 61.69% (tăng 59.41% so với năm 2020), trong đó (nữ: 66 người, dân tộc thiểu số: 36 người, nữ dân tộc thiểu số: 14 người, vùng khó khăn: 78 người); mức KHÁ: 96 người, đạt tỷ lệ 36.78% (giảm 27.82% so với năm 2020), trong đó (nữ: 30 người, dân tộc thiểu số: 30 người, nữ dân tộc thiểu số: 12 người, vùng khó khăn: 64 người); mức ĐẠT: 4 người, chiếm tỷ lệ 1.53% (giảm 42.86% so với năm 2020), trong đó (nữ: 2 người, dân tộc thiểu số: 01 người, nữ dân tộc thiểu số: 01 người, vùng khó khăn: 03 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

+ Tổng số Phó Hiệu trưởng đã được đánh giá ở mức TỐT: 290 người, đạt tỷ lệ 57.43% (giảm 13.95% so với năm 2020), trong đó (nữ: 163 người, dân tộc thiểu số: 93 người, nữ dân tộc thiểu số: 44 người, vùng khó khăn: 150 người); mức KHÁ: 204 người, đạt tỷ lệ 40.4% (tăng 16.57% so với năm 2020), trong đó (nữ: 101 người, dân tộc thiểu số: 77 người, nữ dân tộc thiểu số: 33 người, vùng khó khăn: 116 người); mức ĐẠT: 11 người, chiếm tỷ lệ 2.18% (tăng 175% so với năm 2020), trong đó (nữ: 9 người, dân tộc thiểu số: 3 người, nữ dân tộc thiểu số: 2 người, vùng khó khăn: 09 người); mức CHƯA ĐẠT: 0 người.

- Cấp THPT có tỷ lệ CBQL được đánh giá ở mức TỐT cao nhất (64.84%), cấp THCS có tỷ lệ CBQL đánh giá ở mức TỐT thấp nhất (56.25%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu A.2.2)

## **PHẦN B: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

### **B.1. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG về chương trình bồi dưỡng thường xuyên**

**B.1.1.** Số lượng và tỷ lệ % GVPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số giáo viên

- Tổng số giáo viên tham gia học trực tuyến: 295 người, trong đó: nữ: 203 người, dân tộc thiểu số 77 người, nữ dân tộc thiểu số: 46 người, vùng khó khăn: 130 người.

- Số giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 289 người, đạt tỷ lệ 3.31%, trong đó: nữ: 198 người, dân tộc thiểu số: 77 người, nữ dân tộc thiểu số: 46 người, vùng khó khăn: 130 người.

- Điểm trung bình tổng tất cả các item là 3.37, trong đó số lượng và tỷ lệ % trả lời đạt 4/5 mục từ 3.0 trở lên (không có mục nào dưới 2.5): 260, đạt tỷ lệ 89.97%.

- Cấp THCS có tỉ lệ giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến cao nhất (đạt tỷ lệ 4.99%), cấp Tiểu học có tỉ lệ giáo viên hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến thấp nhất (đạt tỷ lệ 2.23%).

- Cấp Tiểu học có điểm trung bình tổng tất cả các item cao nhất (3.45), cấp Tiểu học có điểm trung bình tổng tất cả các item thấp nhất (3.33).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B1.1)

### **B.1.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng**

Item II. Sự sẵn có của chương trình bồi dưỡng trực tuyến và Item III. Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT có điểm trung bình hài lòng cao nhất (3,39), các Item V Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS có điểm trung bình hài lòng thấp nhất (3,35).

### **B.1.3. Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến**

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3.37. Điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên có số lượng là 270, đạt tỷ lệ 93.43%, trong đó (nữ: 185, đạt tỷ lệ 93.43%; dân tộc thiểu số: 70, đạt tỷ lệ 90.91%; nữ dân tộc thiểu số: 41, đạt tỷ lệ 89.13%; vùng khó khăn: 122, đạt tỷ lệ 93.85%).

### **B.1.4. Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến**

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3.39. Điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên có số lượng là 272, đạt tỷ lệ 94.12%, trong đó (nữ: 187, đạt tỷ lệ 94.44%; dân tộc thiểu số: 70, đạt tỷ lệ 90.91%; nữ dân tộc thiểu số: 41, đạt tỷ lệ 89.13%; vùng khó khăn: 124, đạt tỷ lệ 95.38%).

**B.1.5. Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp giáo viên**

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV là 3.39. Điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên có số lượng là 278, đạt tỷ lệ 96.19%, trong đó (nữ: 190, đạt tỷ lệ 95.96%; dân tộc thiểu số: 74, đạt tỷ lệ 96.1%; nữ dân tộc thiểu số: 44, đạt tỷ lệ 95.65%; vùng khó khăn: 125, đạt tỷ lệ 96.15%).

### **B.1.6. Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học**

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3.36. Điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.0 trở lên có số lượng là 275, đạt tỷ lệ 95.16%, trong đó (nữ: 187, đạt tỷ lệ 94.44%; dân tộc thiểu số: 75, đạt tỷ lệ 97.4%; nữ dân tộc thiểu số: 44, đạt tỷ lệ 95.65%; vùng khó khăn: 126, đạt tỷ lệ 96.92%).

### **B.1.7. Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS**

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3.35. Điểm trung bình của tổng mục V từ 3.0 trở lên có số lượng là 274, đạt tỷ lệ

94.81%, trong đó (nữ: 187, đạt tỷ lệ 94.44%; dân tộc thiểu số: 73, đạt tỷ lệ 94.81%; nữ dân tộc thiểu số: 43, đạt tỷ lệ 93.48%; vùng khó khăn: 124, đạt tỷ lệ 95.38%).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B1.2)

## **B.2. Kết quả trả lời phiếu khảo sát trực tuyến của CBQLCSGDPT về chương trình bồi dưỡng thường xuyên**

### **B.2.1. Số lượng CBQLCSGDPT trả lời phiếu khảo sát trực tuyến so với tổng số CBQLCSGDPT**

- Tổng số CBQLCSGDPT tham gia học trực tuyến 125 người, trong đó: nữ: 78 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 11 người, vùng khó khăn: 60 người.

- Số CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát: 125 người, đạt tỷ lệ 14.92% , trong đó nữ: 78 người, dân tộc thiểu số: 20 người, nữ dân tộc thiểu số: 11 người, vùng khó khăn: 60 người.

- Điểm trung bình tổng tất cả các item là 3.44, trong đó số lượng và tỉ lệ % trả lời đạt 4/5 mục từ 3.0 trở lên (không có mục nào dưới 2.5) là 118 người, đạt tỷ lệ 94.4%.

- Cấp Tiểu học có tỉ lệ CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến cao nhất (đạt tỷ lệ 17.67%), cấp THCS có tỉ lệ CBQLCSGDPT hoàn thành trả lời phiếu khảo sát trực tuyến thấp nhất (đạt tỷ lệ 13.18%).

- Cấp Tiểu học có điểm trung bình tổng tất cả các item cao nhất (3.69), Cấp THCS có điểm trung bình tổng tất cả các item thấp nhất (3.35).

(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B2.1)

### **B.2.2. Mức độ hài lòng với mô đun bồi dưỡng**

Item II. Sự sẵn có của chương trình bồi dưỡng trực tuyến và Item III. Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp GV/CBQLCSGDPT có điểm trung bình hài lòng cao nhất (3,45); Item IV. Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học có điểm trung bình hài lòng thấp nhất (3,42).

### **B.2.3. Mức độ hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến**

Điểm trung bình hài lòng về các hình thức hỗ trợ tương tác trực tuyến là 3.44. Điểm trung bình của tổng mục I từ 3.0 trở lên có số lượng là 120, đạt tỷ lệ 96%, trong đó (nữ: 75, đạt tỷ lệ 96.15%; dân tộc thiểu số: 20, đạt tỷ lệ 100%; nữ dân tộc thiểu số: 11, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 58, đạt tỷ lệ 96.67%).

### **B.2.4. Mức độ hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến**

Điểm trung bình hài lòng về Sự sẵn có của chương trình BDTX trực tuyến là 3.45. Điểm trung bình của tổng mục II từ 3.0 trở lên có số lượng là 120, đạt tỷ lệ 96%, trong đó (nữ: 75, đạt tỷ lệ 96.15%; dân tộc thiểu số: 20, đạt tỷ lệ 100%; nữ dân tộc thiểu số: 11, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 59, đạt tỷ lệ 98.33%).

### **B.2.5. Mức độ hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp CBQLCSGDP**

Điểm trung bình hài lòng về Sự phù hợp với nhu cầu nâng cao chuẩn nghề nghiệp CBQLCSGDPT là 3.45. Điểm trung bình của tổng mục III từ 3.0 trở lên có số lượng là 121, đạt tỷ lệ 96.8%, trong đó (nữ: 76, đạt tỷ lệ 97.44%; dân tộc thiểu số: 20, đạt tỷ lệ 100%; nữ dân tộc thiểu số: 11, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 59, đạt tỷ lệ 98.33%).

### **B.2.6. Mức độ hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học**

Điểm trung bình hài lòng về Sự hữu ích khi áp dụng vào lớp học là 3.42. Điểm trung bình của tổng mục IV từ 3.0 trở lên có số lượng là 121, đạt tỷ lệ 96.8%, trong đó (nữ: 77, đạt tỷ lệ 98.72%; dân tộc thiểu số: 20, đạt tỷ lệ 100%; nữ dân tộc thiểu số: 11, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 58, đạt tỷ lệ 96.67%).

### **B.2.7. Mức độ hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS**

Điểm trung bình hài lòng về Đóng góp nâng cao kết quả học tập của HS là 3.44. Điểm trung bình của tổng mục V từ 3.0 trở lên có số lượng là 121, đạt tỷ lệ 96.8%, trong đó (nữ: 76, đạt tỷ lệ 97.44%; dân tộc thiểu số: 20, đạt tỷ lệ 100%; nữ dân tộc thiểu số: 11, đạt tỷ lệ 100%; vùng khó khăn: 58, đạt tỷ lệ 96.67%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu B2.2)*

## **PHẦN C: BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHU CẦU BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN CỦA GV VÀ CBQLCSGDPT THEO CÁC TIÊU CHÍ TRONG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN VÀ CHUẨN HIỆU TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**

### **C.1. Nhu cầu bồi dưỡng dựa trên đánh giá theo chuẩn**

#### **C.1.1. Nhu cầu bồi dưỡng của GIÁO VIÊN**

- Tổng số giáo viên được đánh giá và xếp loại: 8172 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

+ Tiêu chí 3. Phát triển chuyên môn bản thân: 243 người (đạt tỷ lệ 2.97%), trong đó: nữ 99 người, dân tộc thiểu số: 34 người, nữ dân tộc thiểu số: 22 người, vùng khó khăn: 33 người.

+ Tiêu chí 9. Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường: 97 người (đạt tỷ lệ 0.91%), trong đó: nữ 84 người, dân tộc thiểu số: 28 người, nữ dân tộc thiểu số: 22 người, vùng khó khăn: 40 người.

+ Tiêu chí 10. Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường: 165 người (đạt tỷ lệ 2.02%), trong đó: nữ 117 người, dân tộc thiểu số: 73 người, nữ dân tộc thiểu số: 45 người, vùng khó khăn: 76 người.

+ Tiêu chí 14. Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc: 1272 người (đạt tỷ lệ 15.57%), trong đó: nữ 979 người, dân tộc thiểu số: 486 người, nữ dân tộc thiểu số: 341 người, vùng khó khăn: 600 người.

+ Tiêu chí 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: 600 người (đạt tỷ lệ 7.34%), trong đó: nữ 448 người, dân tộc thiểu số: 286 người, nữ dân tộc thiểu số: 191 người, vùng khó khăn: 323 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.1.1)*

### **C.1.2. Nhu cầu bồi dưỡng của CBQLCSGDPT**

- Tổng số CBQLCSGDPT được đánh giá và xếp loại 766 người.

- Nhu cầu chung được thực hiện theo 5 tiêu chí:

+ Tiêu chí 6. Quản trị nhân sự nhà trường: 22 người (đạt tỷ lệ 2.87%), trong đó: nữ 14 người, dân tộc thiểu số: 8 người, nữ dân tộc thiểu số: 4 người, vùng khó khăn: 11 người.

+ Tiêu chí 7. Quản trị tổ chức, hành chính nhà trường: 58 người (đạt tỷ lệ 7.57%), trong đó: nữ 42 người, dân tộc thiểu số: 23 người, nữ dân tộc thiểu số: 14 người, vùng khó khăn: 32 người.

+ Tiêu chí 8. Quản trị tài chính nhà trường: 84 người (đạt tỷ lệ 10.97%), trong đó: nữ 58 người, dân tộc thiểu số: 35 người, nữ dân tộc thiểu số: 19 người, vùng khó khăn: 40 người.

+ Tiêu chí 9. Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh của nhà trường: 15 người (đạt tỷ lệ 1.96%), trong đó: nữ 9 người, dân tộc thiểu số: 8 người, nữ dân tộc thiểu số: 5 người, vùng khó khăn: 9 người.

+ Tiêu chí 17. Sử dụng ngoại ngữ: 79 người (đạt tỷ lệ 10.31%), trong đó: nữ 42 người, dân tộc thiểu số: 24 người, nữ dân tộc thiểu số: 11 người, vùng khó khăn: 45 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.1.2)*

## **C.2. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của giáo viên**

### **C.2.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên**

- Tổng số giáo viên đã tự đánh giá 8172 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục (2065 người, chiếm tỷ lệ 25.27%).

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn ít nhất là: Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (1416 người, chiếm tỷ lệ 17.33%).

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.1)*

### **C.2.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

+ Trong hè: Nhu cầu chung 1940 người (chiếm tỷ lệ 23.74%), trong đó: nữ: 1454 người, dân tộc thiểu số: 516 người, nữ dân tộc thiểu số: 638 người, vùng khó khăn: 1002 người.

+ Trong học kỳ 2: Nhu cầu chung 1513 người (chiếm tỷ lệ 18.51%), trong đó: nữ: 1158 người, dân tộc thiểu số: 501 người, nữ dân tộc thiểu số: 294 người, vùng khó khăn: 718 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.2)*

### **C.2.3. Điều kiện thực hiện**

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 3136 người, trong đó: nữ là 2408 người, dân tộc thiểu số là 1385 người, nữ dân tộc thiểu số là 1028 người, vùng khó khăn là 1561 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.2.3)*

## **C.3. Nhu cầu bồi dưỡng theo mong muốn của CBQLCSGDPT**

### **C.3.1. Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của CBQLCSGDPT**

- Tổng số CBQL CSGDPT đã tự đánh giá 766 người.

- Nội dung đăng ký học tập, bồi dưỡng của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Sử dụng ngoại ngữ là 205 người (chiếm tỷ lệ 26.76%), trong đó: nữ: 111 người, dân tộc thiểu số: 53 người, nữ dân tộc thiểu số: 26 người, vùng khó khăn: 117 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.1)*

### **C.3.2. Thời gian hoàn thành mô đun bồi dưỡng**

+ Trong hè: Nhu cầu chung 174 người (chiếm tỷ lệ 22.72%), trong đó: nữ 106 người, dân tộc thiểu số: 65 người, nữ dân tộc thiểu số: 31 người, vùng khó khăn: 90 người.

+ Trong học kỳ II: Nhu cầu chung 125 người (chiếm tỷ lệ 16.32%), trong đó: nữ: 65 người, dân tộc thiểu số: 42 người, nữ dân tộc thiểu số: 20 người, vùng khó khăn: 56 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.2)*

### **C.3.3. Điều kiện thực hiện**

- Nội dung về điều kiện thực hiện của giáo viên được lựa chọn nhiều nhất là: Tạo điều kiện về thời gian là 316 người (chiếm tỷ lệ 41.25%), trong đó: nữ: 168 người, dân tộc thiểu số: 99 người, nữ dân tộc thiểu số: 50 người, vùng khó khăn: 155 người.

*(Chi tiết xem tại Phụ lục I, Biểu C.3.3)*



## **PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **D.1. Ưu điểm**

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với chi nhánh Viettel Hòa Bình cấp bổ sung tài khoản, tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên các đơn vị trực thuộc, lãnh đạo và cán bộ phụ trách của Phòng Giáo dục và Đào tạo về cập nhật kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp và minh chứng lên hệ thống TEMIS.

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị triển khai đánh giá GV, CBQL trên hệ thống TEMIS.

- Tỷ lệ hoàn thành cập nhật đánh giá chuẩn nghề nghiệp trên hệ thống tương đối cao.

- Viettel Hòa Bình cực hỗ trợ giáo viên trong việc rà soát, cấp tài khoản và cập nhật dữ liệu lên hệ thống và hỗ trợ GV, CBQLCSGDPT ghi đánh giá chuẩn trên hệ thống TEMIS.

### **D.2. Tồn tại**

- Tỷ lệ cập nhật kết quả tự đánh giá của giáo viên và tỷ lệ thủ trưởng đánh giá giáo viên chưa đạt 100%, bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến cho giáo viên đại trà chưa thực hiện được.

#### ***Nguyên nhân***

- Tỉnh Hòa Bình chưa có đủ kinh phí để mua tài khoản LMS của Viettel cho tất cả giáo viên (mới cấp tài khoản cho giáo viên các trường THPT, Các trường Phổ thông Dân tộc nội trú và giáo viên thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lạc Sơn), hiện tại Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình đã tập huấn trực tiếp và hoàn thành modul 1 và modul 2 cho giáo viên đại trà, đang triển khai bồi dưỡng modul 3, modul 4.

- Một số địa chỉ email của giáo viên bị trùng, một số giáo viên và cán bộ quản lý đã nghỉ hưu nhưng các đơn vị chưa xóa tài khoản cá nhân, một số giáo viên có nhiều hơn 01 tài khoản gây khó khăn cho việc tổng hợp, một số giáo viên mới được tuyển dụng nên chưa có kết quả đánh giá năm học 2020 - 2021.

- Hệ thống TEMIS chỉ có nội dung cập nhật kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông, chưa có nội dung cho việc cập nhật kết quả đánh giá chuẩn giáo viên và chuẩn Giám đốc/Phó Giám đốc khối Trung tâm GDTX nên đội ngũ giáo viên, CBQL khối Trung tâm GDTX chưa tự đánh giá/chưa được đánh giá trên hệ thống.

### **D.3. Kiến nghị, đề xuất**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản đề nghị các Bộ, ngành liên quan, Tập đoàn Viettel hỗ trợ kinh phí cho Tỉnh Hòa Bình để Sở Giáo dục và Đào tạo có thể tổ chức tập huấn bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng đại trà trực tuyến đối với giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Hệ thống cập nhật thêm các nội dung để đảm bảo giáo viên và CBQL khối Trung tâm GDTX được đánh giá chuẩn nghề nghiệp trên hệ thống, từ đó thống kê, nắm bắt được kết quả bồi dưỡng thường xuyên và nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn Hiệu trưởng/Giám đốc của toàn ngành.

Trên đây là báo cáo quản lý thông tin bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông năm 2021, Sở Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình kính chuyển Bộ Giáo dục và Đào tạo; Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ GDĐT; Ban Quản lý Chương trình ETEP, Bộ GDĐT; Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên xem xét và chỉ đạo để công tác bồi dưỡng thường xuyên của Sở đạt hiệu quả tốt hơn./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CM, NV sở;
- Website ngành;
- Lưu: VT, TTCB(V05b).

**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Thị Kim Tuyến**